

Số: 03 /2021/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 12 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế khai thác,**  
**sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan Nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 19/TTr-STTT ngày 04 tháng 02 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Trung tâm CNTT&TT, Sở TT&TT;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX, TD8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**<sub>tr</sub>



Trần Tuệ Hiền

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Khai thác, sử dụng dữ liệu  
của cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh Bình Phước**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2021/QĐ-UBND  
ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

### **Chương I**

## **QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này áp dụng đối với các hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.
2. Quy chế này không áp dụng đối với việc khai thác, sử dụng dữ liệu chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ quan Nhà nước được cơ quan Nhà nước chia sẻ theo quy định.

### **Chương II**

## **QUẢN LÝ DỮ LIỆU, CƠ SỞ DỮ LIỆU, QUẢN TRỊ DỮ LIỆU TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

### **Điều 3. Quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu**

Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu được quy định tại khoản 1, Điều 14 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ trong phạm vi dữ liệu mình quản lý, tuân thủ các quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu**

1. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ dữ liệu và gửi báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 10 tháng 12 hằng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.



2. Nội dung kiểm tra, đánh giá dữ liệu theo khoản 2, Điều 12 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ.

3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn các chủ quản cơ sở dữ liệu tự kiểm tra, đánh giá dữ liệu.
- b) Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá dữ liệu; hoạt động quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 5. Cung cấp dữ liệu mở của cơ quan Nhà nước**

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục dữ liệu mở của cơ quan Nhà nước, tổ chức xây dựng kế hoạch và triển khai công bố dữ liệu mở của cơ quan Nhà nước trong phạm vi quản lý.

#### **Điều 6. Công bố dữ liệu mở của cơ quan Nhà nước**

1. Dữ liệu mở của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh phải được cung cấp qua các phương thức sau:

- a) Cung cấp dữ liệu được đóng gói và cho phép tổ chức, cá nhân tải về sử dụng.
- b) Cung cấp dữ liệu thông qua các dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

2. Dữ liệu mở tại các cơ quan, đơn vị phải được công bố trên Cổng dữ liệu quốc gia.

### **Chương III**

### **THỰC HIỆN KẾT NỐI, CHIA SẺ, SỬ DỤNG DỮ LIỆU**

#### **Điều 7. Kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ các cơ quan, đơn vị**

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu các cơ sở dữ liệu trong phạm vi quản lý của tỉnh.
- b) Theo dõi, đôn đốc, đánh giá, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu.
- c) Điều phối kết nối chia sẻ dữ liệu, hướng dẫn, hỗ trợ cơ quan, đơn vị kết nối ra ngoài phạm vi của tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kết nối, chuẩn bị điều kiện cần thiết để đáp ứng yêu cầu và thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

### **Điều 8. Giải quyết vướng mắc khi kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu**

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các vướng mắc phát sinh khi kết nối, sử dụng dữ liệu do mình cung cấp.

2. Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận, giải quyết các vướng mắc liên quan đến kỹ thuật, công nghệ, việc áp dụng các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 9. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối, chia sẻ và khai thác sử dụng dữ liệu trên địa bàn tỉnh đảm bảo liên tục và hiệu quả.

2. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 12 hằng năm.

#### **Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí duy trì, vận hành, thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ.

#### **Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu**

1. Bảo đảm điều kiện hạ tầng phục vụ kết nối, trao đổi dữ liệu trong phạm vi cơ sở dữ liệu do đơn vị mình quản lý.

2. Đảm bảo điều kiện về nhân lực phục vụ quản lý, kết nối, chia sẻ.

3. Xây dựng quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu trong phạm vi cơ sở dữ liệu do đơn vị quản lý

#### **Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu**

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khi khai thác sử dụng dữ liệu các cơ sở dữ liệu của tỉnh phải tuân thủ các quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và các quy định của cấp có thẩm quyền về kết nối, chia sẻ dữ liệu.

#### **Điều 13. Trách nhiệm thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ



chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Trần Tuệ Hiền**